

NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NGÔ HÀNG HÓA VÙNG TÂY BẮC

Đỗ Văn Ngọc^{1*}, Trần Đình Thao²

¹*Nghiên cứu sinh, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email*: ngocdo66@gmail.com

Ngày gửi bài: 18.06.2014

Ngày chấp nhận: 01.09.2014

TÓM TẮT

Những năm gần đây, ngô đang trở thành loại nông sản hàng hoá có vai trò xoá đói giảm nghèo cho nông dân vùng núi Tây Bắc, đặc biệt là hai tỉnh Sơn La và Hoà Bình. Kết quả điều tra cho thấy, thu nhập từ sản xuất ngô chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu thu nhập của nông hộ vùng này. Tuy nhiên, diện tích và sản lượng ngô hàng năm của vùng đang có xu hướng giảm nông dân sản xuất ngô đang đối mặt với nhiều khó khăn lớn như: thiếu vốn sản xuất, chi phí đầu vào tăng nhanh, đặc biệt là giống và phân bón. Bên cạnh đó, hệ thống giao thông, hệ thống bảo quản ngô của nông hộ còn ở mức yếu kém cũng là một trong những thách thức lớn để phát triển sản xuất ngô hàng hóa của vùng. Bởi vậy, để phát triển sản xuất ngô hàng hóa vùng Tây Bắc, các giải pháp được đưa ra tập trung vào: hạn chế xói mòn và chống bạc màu đất; phát triển hệ thống giao thông; đa dạng hóa hệ thống tiêu thụ; hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích xây dựng hệ thống bảo quản ngô; nghiên cứu lựa chọn giống ngô phù hợp với điều kiện sinh thái; sử dụng tối đa các đầu vào hữu cơ để thay thế phân vô cơ; và Nhà nước cần có chính sách ưu đãi phát triển sản xuất ngô.

Từ khóa: Giải pháp, sản xuất ngô, thực trạng, Tây Bắc.

Research and Suggest Some Solutions to Develop Maize Production at The Northwest Region

ABSTRACT

In recent year, maize is gradually becoming a kind of agricultural commodities which aims to reduce poverty for farmers in the Northwest region, especially in the two provinces of Son La and Hoa Binh. The survey results show that income from maize production constitutes a high proportion of the income structure of farm households in this area. However, maize acreage and yield annual area are declining. The farmers in the Northwest now faces major problems such as the shortage of capital for production, the rapid rising input cost, especially maize seeds and fertilizers. In addition, transport systems, storage systems, and the consumption of maize are still low, which are also the major challenges to the development of maize production in this area. Therefore, to develop commodity maize production in the Northwest region, the solutions offered are going to focus on those aspects: the methods to control soil erosion and exhaustion, transportation system development, maize consumption system diversification, technical support and the encouragement of maize storage system construction for farmers, maize varieties research to select the adapted seeds to the ecological conditions, utilizing the organic inputs instead of inorganic fertilizer and finally the preferential policies that Government should have to encourage maize production.

Keywords: Maize production, the status and solutions, the Northwest.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm gần đây cùng với sự phát triển nhanh của ngành nông nghiệp, ngành chăn

nuôi nội địa luôn giữ mức tăng trưởng cao, bình quân giai đoạn 2001-2010 tăng 7- 8,5%/năm, kéo theo nhu cầu thức ăn chăn nuôi tăng lên nhanh chóng. Hiện cả nước tiêu thụ từ 12,5 -

13,4 triệu tấn thức ăn chăn nuôi (TACN) mỗi năm, nhưng nguồn cung nguyên liệu trong nước quá thấp. Sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng phần lớn nguyên liệu đầu vào là ngô hạt, chiếm khoảng 40% trong thành phần thức ăn gia súc. Đây là động lực lớn thúc đẩy hoạt động sản xuất ngô trong nước.

Ngô đang dần trở thành một loại nông sản hàng hóa có vai trò xóa đói giảm nghèo ở một số địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi vùng Tây Bắc. Là một khu vực có điều kiện khá thuận lợi cho hoạt động sản xuất ngô, khu vực miền núi Tây Bắc những năm gần đây đã khẳng định là một trong những vùng sản xuất ngô hàng hóa trọng điểm của cả nước với tổng diện tích 220,4 nghìn ha, năng suất bình quân đạt 37 tạ/ha, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Sơn La (133,7 nghìn ha), Hòa Bình (36,2 nghìn ha). Tuy nhiên, sản xuất ngô của vùng hiện nay chủ yếu sử dụng các phương pháp thủ công, phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên, trình độ canh tác của các hộ trồng ngô còn yếu kém, vốn đầu tư chưa đủ lớn, thiếu thông tin thị trường... nên việc phát triển sản xuất ngô hàng hóa của vùng đang tiềm ẩn những nguy cơ rủi ro lớn. Do đó nhu cầu bức thiết của thực tiễn hiện nay của vùng núi Tây Bắc là cần có giải pháp nhằm giảm thiểu các nguy cơ rủi ro, nâng cao thu nhập trong sản xuất ngô hàng hóa. Nghiên cứu này nhằm tìm ra giải pháp phát triển ngô hàng hóa vùng Tây Bắc cụ thể mang tính khoa học và phù hợp với điều kiện thực tiễn của vùng. Nghiên cứu được tiến hành với các mục tiêu:

i) Đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ và những khó khăn trong sản xuất ngô hàng hóa của các hộ dân vùng Tây Bắc;

ii) Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất ngô hàng hóa của các hộ vùng Tây Bắc.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập và hệ thống hóa từ niên giám thống kê, sách báo, công văn, báo cáo tổng kết của các sở ban ngành các cấp, các số liệu thống kê tỉnh, huyện, bài báo, đề tài,

các tài liệu khác về phát triển và sản xuất ngô; Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua việc điều tra, phỏng vấn 400 hộ trồng ngô ở 04 huyện thuộc các tỉnh Hòa Bình và Sơn La (huyện Lạc Thủy và huyện Đà Bắc thuộc tỉnh Hòa Bình; huyện Mai Sơn và huyện Mộc Châu thuộc tỉnh Sơn La).

2.2. Phương pháp phân tích

Sử dụng phương pháp phân tổ; phương pháp so sánh nhằm chỉ ra sự khác biệt giữa giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu mà nghiên cứu hướng tới; phân tích một số điểm mạnh, điểm yếu trong sản xuất ngô để tìm ra các giải pháp phù hợp với đặc điểm của vùng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển sản xuất ngô hàng hóa

Khảo sát tình hình sản xuất ngô trên địa bàn các tỉnh vùng núi Tây Bắc cho thấy, ngô là cây lương thực chính có vai trò quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh lương thực, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của người dân. Thu nhập từ ngô ở các hộ được khảo sát chiếm từ 50% đến 80% tổng thu nhập hàng năm. Cá biệt có hộ có diện tích trồng ngô lên tới 20ha, thu nhập từ ngô mỗi năm đạt trên 600 triệu đồng. Vì vậy, nhiều hộ đã mạnh dạn nhận đất giao khoán để trồng ngô. Sơn La là tỉnh có thu nhập từ sản xuất ngô của các hộ cao, trung bình đạt 76,5 triệu đồng/năm, chiếm 82,25% trong tổng thu nhập của hộ. Trong khi đó ở Hòa Bình, Đà Bắc là huyện có thu nhập trung bình hộ thấp nhất đạt 30,6 triệu đồng/ năm, thu nhập từ ngô chiếm hơn 50% tổng thu nhập, còn lại 24,14% là doanh thu từ chăn nuôi.

Mặc dù thu nhập từ cây ngô chiếm chủ yếu trong cơ cấu thu nhập của hộ, nhưng kết quả khảo sát cho thấy diện tích ngô bình quân từ năm 2010 đến 2012 của nhóm hộ được khảo sát có xu hướng giảm nhẹ với tốc độ giảm sản lượng bình quân trong 3 năm là 0,73%/năm, nguyên nhân dẫn đến sản lượng ngô giảm là do cả 2 yếu tố: i) diện tích trồng ngô ở nhóm hộ được khảo

Bảng 1. Sự biến động DT, NS, SL ngô bình quân/hộ ở vùng núi Tây Bắc

Diễn giải		Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	So sánh (%)		
					2011/2010	2012/2011	Bình quân
Hòa Bình	Diện tích gieo trồng (ha)	1,01	0,98	0,96	96,77	98,32	97,54
	NS trung bình (tấn/ha)	4,42	4,64	4,95	105,02	106,63	105,82
	Sản lượng (tấn)	4,46	4,54	4,76	101,63	104,83	103,22
Sơn La	Diện tích gieo trồng (ha)	1,97	1,99	2,00	100,99	100,55	100,77
	NS trung bình (tấn/ha)	8,11	8,23	7,69	101,46	93,48	97,39
	Sản lượng (tấn)	16,00	16,40	15,41	102,46	94,00	98,14
Tính chung	Diện tích gieo trồng (ha)	2,98	2,97	2,97	99,56	99,82	99,69
	NS trung bình (tấn/ha)	6,86	7,05	6,80	102,73	96,53	99,58
	Sản lượng (tấn)	20,47	20,95	20,17	102,28	96,35	99,27

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra năm 2012.

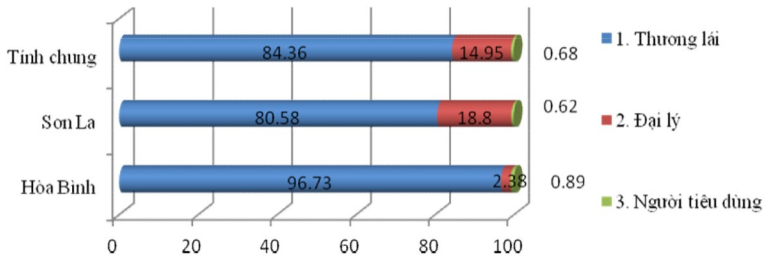
sát ở vùng Tây Bắc có xu hướng giảm với tốc độ bình quân là 0,31%/năm, chủ yếu ở các nhóm hộ được khảo sát ở Hòa Bình. Một số cây trồng khác được trồng thay thế cây ngô trên vùng đất dốc nhằm chống xói mòn và điều kiện thời tiết không thuận lợi có thể giải thích cho xu hướng giảm diện tích gieo trồng ngô ở Hòa Bình; và ii) năng suất ngô bình quân cũng có xu hướng giảm, với mức mức giảm 0,42%/năm, đại bộ phận những hộ được khảo sát có năng suất ngô giảm trong vòng 3 năm qua đều tập trung ở các địa phương tỉnh Sơn La (2,61%/năm). Nguyên nhân chủ yếu của xu hướng giảm này do các yếu tố khách quan mang lại, đặc biệt là điều kiện thời tiết bất thuận. Bên cạnh đó, do đặc điểm vùng Tây Bắc chủ yếu là đồi núi, địa hình dốc, sản xuất ngô ở độ dốc cao, phụ thuộc nước trời, ít thâm canh nên hiện tượng đất bị xói mòn, rửa trôi nhanh. Thêm vào đó nông dân ở đây có thói quen sau mỗi vụ thu hoạch, đốt thân cây ngô ngay trên đồi càng làm cho thảm thực vật bị tiêu hủy đã khiến một phần diện tích trồng ngô trở nên bạc màu, bởi vậy năng suất ngô giảm.

Báo cáo của Ban chỉ đạo Tây Bắc và số liệu điều tra hộ cho thấy, chế biến ngô trên địa bàn các tỉnh miền núi Tây Bắc mới chỉ dừng lại ở dạng sản phẩm là ngô hạt sấy khô làm nguyên liệu cho các cơ sở chế biến khác. Vì vậy, trên 80% sản lượng ngô hàng năm được các doanh nghiệp, tư thương thu mua, sấy bảo quản và trở thành sản phẩm hàng hóa bán cho các cơ sở chế

biến thức ăn gia súc ngoài tỉnh; số còn lại (dưới 20%) phục vụ nhu cầu tại chỗ của người dân.

Hệ thống giao thông chưa phát triển, cùng với đó là cơ hội tiếp cận các thông tin về thị trường rất hạn chế khiến quá trình tiêu thụ ngô của các hộ dân ở vùng Tây Bắc gặp nhiều khó khăn. Hầu hết thị trường đầu ra đối với ngô của các hộ phụ thuộc chủ yếu vào các thương lái (tư thương thu mua trực tiếp ngô thương phẩm). Cụ thể là, có tới 84,36% sản lượng ngô của vùng được bán trực tiếp cho thương lái, trong đó Sơn La là 80,58%; đặc biệt là Hòa Bình với 96,73% (Biểu đồ 1). Quá trình khảo sát cũng cho thấy rằng có tới 10,92% số hộ tiêu thụ ngô qua thương lái do không có đối tượng mua khác để lựa chọn.

Nguyên nhân dẫn đến việc các tư thương điều tiết thị trường tiêu thụ ngô ở đây là do các doanh nghiệp, đại lý kinh doanh nông sản đang gặp không ít khó khăn do suy thoái kinh tế, giá ngô giảm mạnh. Mặt khác do người dân không tiếp cận được với nguồn vốn vay, không có chính sách tín dụng ưu đãi nên các tư thương đã thay các tổ chức tín dụng cho người trồng ngô vay vốn sản xuất, bán vật tư cho họ để rồi khi cây ngô được thu hoạch, tư thương cũng là lực lượng có mặt tại chân đồi thu mua ngô. Nhiều tư thương còn mở đường lên tận nương ngô để vận chuyển thu mua ngô. Có thể nói, thị trường ngô ở Sơn La được các tư thương nắm trọn gói từ lúc gieo hạt đến khi bán sản phẩm và thu lãi qua



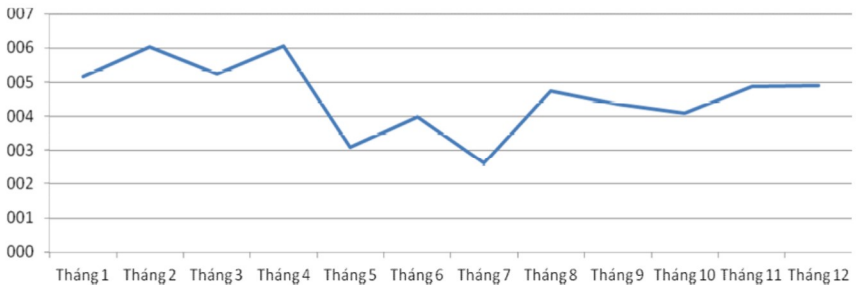
Biểu đồ 1. Cơ cấu sản lượng tiêu thụ ngô của hộ phân theo đối tượng mua

từng công đoạn. Do vậy các hộ trồng ngô rất dễ bị ép giá, gây ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả phát triển sản xuất ngô hàng hóa của vùng.

Do đặc điểm chung của nông sản hàng hóa, giá bán ngô cũng mang tính thời vụ cao. Để hạn chế tính mùa vụ của giá bán, nhiều hộ sản xuất ngô đã sử dụng các phương pháp chế biến, bảo quản khác nhau nhằm tìm thời điểm bán thích hợp. Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy tại khu vực Tây Bắc sự khác nhau về điều kiện bảo quản, chế biến ảnh hưởng khá rõ đến việc lựa chọn thời điểm bán và giá bán của các hộ gia đình trồng ngô. Cụ thể, tại Hòa Bình, do điều kiện chế biến còn nhiều hạn chế nên đa phần các hộ lựa chọn bán ngô ngay sau thu hoạch (71,06% số hộ), có khoảng 68% sản lượng ngô được bán ngay sau khi thu hoạch và kéo dài trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 8 với mức giá bình quân thấp nhất trong năm (giá

ngô thương phẩm chỉ dao động từ 2.630 đồng/kg đến 4.740 đồng/kg). Còn lại khoảng 32% sản lượng ngô của hộ được bán vào các tháng 10, tháng 11 và tháng 12 với mức giá giao động từ 4.110 đồng/kg đến 4.920 đồng/kg (Biểu đồ 2).

Trong khi đó, tại Sơn La, do có hệ thống cơ sở phục vụ chế biến và bảo quản ngô khá tốt nên thời điểm bán ngô không phụ thuộc quá nhiều vào thời điểm thu hoạch, với 24,96% số hộ lựa chọn bán ngô sau thu hoạch; còn lại 73,04% số hộ thực hiện chế biến bảo quản sau thu hoạch và lựa chọn thời điểm bán, do đó họ có nhiều lựa chọn hơn về đối tượng tiêu thụ ngô, thời điểm bán và giá bán ngô đạt được thường ở mức cao hơn. Cụ thể từ 5.100 đồng/kg đến 6.050 đồng/kg vào các tháng từ tháng 1 đến tháng 4 và từ 4.700 đồng/kg đến 4.900 đồng/kg trong các tháng từ tháng 8 đến tháng 12 (Biểu đồ 2).



Biểu đồ 2. Biến động giá ngô bình quân ở vùng Tây Bắc

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất ngô hàng hóa vùng Tây Bắc

Trong bối cảnh thị trường vật tư nông nghiệp và thị trường nông sản diễn ra phức tạp, cùng với đó là những điều kiện về thời tiết, khí hậu và cơ sở hạ tầng... ở Tây Bắc đã tạo ra không ít khó khăn cho các hộ trồng ngô trong vùng. Đây cũng là những khó khăn đang tồn tại và cần có các giải pháp mạnh mẽ nhằm phát triển sản xuất ngô hàng hóa ở vùng Tây Bắc.

Khó khăn được đề cập nhiều nhất hiện nay đó là vốn và giá các yếu tố đầu vào cho sản xuất ngô hàng hóa. Các hộ nông dân trồng ngô hiện nay do thiếu vốn tái sản xuất, thường xuyên trong tình trạng làm vụ sau trả nợ vụ trước, không có tiền mua giống, phân bón, trang trải sinh hoạt, vì thế họ phải nợ các đại lý, cơ sở thu mua ngô với lãi suất từ 2- 3%/tháng, chưa kể vật tư mua tại đại lý đều cao hơn rất nhiều so với giá thị trường. Đường như thành quy luật, năm được mùa thì giá ngô rẻ, năm mất mùa thì giá tăng. Song với cách sản xuất hiện tại thì giá có cao, người dân cũng không đủ trả nợ cũ. Chưa kể nhiều yếu tố bất lợi khác do đầu ra phụ thuộc hoàn toàn vào các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi thu mua nên bóp nghẹt.

Với bình quân khoảng 66,29% ý kiến cho rằng giá ngô giống cao gây khó khăn cho việc

sản xuất ngô của hộ (trong đó tỷ lệ này ở Hòa Bình là 69,31% và Sơn La là 63,27%), đây cũng là khó khăn lớn nhất mà các hộ gặp phải. Bên cạnh đó, giá phân bón tăng nhanh cũng là trở ngại lớn, với 60,91% ý kiến đồng ý với quan điểm trên, trong đó có 56,95% ý kiến của hộ trồng ngô tại tỉnh Hòa Bình và 64,87% hộ ở Sơn La (Bảng 2).

Cơ sở hạ tầng yếu kém là một trong những khó khăn nhận được sự quan tâm lớn của các hộ sản xuất ngô hàng hóa khu vực miền núi Tây Bắc. Có khoảng 39,92% số hộ cho rằng đây là yếu tố gây trở ngại trong sản xuất ngô của hộ và yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian bảo quản ngô, khả năng tăng vụ và giá bán của sản phẩm ngô sau thu hoạch. Như vậy, phát triển sản xuất ngô tại khu vực miền núi Tây Bắc đòi hỏi cần chú ý đến các giải pháp hạn chế những khó khăn nhận được nhiều sự quan tâm của người sản xuất.

Một vấn đề cần quan tâm và có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh tế của sản xuất ngô đối với các hộ ở vùng Tây Bắc hiện nay là mức hao hụt trong sản xuất ngô. Có thể nói, trình độ kỹ thuật thiếu và yếu, cùng với đó là điều kiện vật chất không bảo đảm cho công tác bảo quản, chế biến ngô đã khiến tỷ lệ hao hụt ở mức cao (đối với ngô khô mức hao hụt từ 5% đến 10% sản

Bảng 2. Đánh giá về những vấn đề khó khăn gặp phải khi sản xuất ngô của nông hộ (ĐVT: % ý kiến đánh giá)

Khó khăn trong sản xuất ngô	Hòa Bình	Sơn La	Tính chung
1. Thiếu giống tốt phù hợp với điều kiện sinh thái	45,27	4,20	24,73
2. Thiếu thông tin về giống	19,96	6,75	13,35
3. Giá giống cao	69,31	63,27	66,29
4. Chất lượng phân bón không đảm bảo	26,15	2,10	14,12
5. Giá phân bón tăng nhanh	56,95	64,87	60,91
6. Đất xói mòn nhanh	41,42	27,84	34,63
7. Khó tiếp cận vốn ưu đãi, thiếu vốn sản xuất	26,55	12,49	19,52
8. Thị trường tiêu thụ không ổn định	16,78	4,15	10,46
9. Cơ sở hạ tầng yếu kém	30,61	49,23	39,92
10. Thiếu cơ sở vật chất phục vụ chế biến bảo quản	16,31	3,05	9,68
11. Tập huấn kỹ thuật ít, thiếu kịp thời	10,73	14,09	12,41
12. Sâu bệnh tăng nhanh	8,71	18,69	13,70

Bảng 3. Tỷ lệ các hộ điều tra có hao hụt ngô qua các khâu trong và sau thu hoạch
(ĐVT: % số hộ có mức hao hụt ở các khâu)

Các khâu	Hòa Bình	Sơn La	Tính chung
Thu hoạch	51,43	7,89	24,46
Sơ chế	60,00	14,91	32,07
Vận chuyển	35,71	2,63	15,22
Bảo quản	51,43	89,47	75,00

lượng; đối với ngô tươi, con số này giao động từ 20% đến 30%). Nguyên nhân chính của vấn đề trên được giải thích bởi trình độ bảo quản của hộ thấp dẫn đến hiện tượng ngô bị mốc, mốc bên cạnh đó hạ tầng giao thông thấp kém cũng làm hao hụt sản lượng ngô trong quá trình vận chuyển. Khi xem xét mức hao hụt ở các khâu sau thu hoạch, nghiên cứu nhận thấy khâu bảo quản sản phẩm sau thu hoạch là khâu có tỷ lệ hao hụt ngô lớn nhất, với 75% số hộ được phỏng vấn cho biết họ bị hao hụt nhiều nhất ở khâu này. Các hộ ở Hòa Bình do đa phần bán tươi nên hao hụt chủ yếu xuất hiện ở khâu thu hoạch (chiếm 51,43% ý kiến đánh giá) và khâu sơ chế chiếm (60% ý kiến đánh giá).

3.3. Một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất ngô hàng hóa vùng Tây Bắc

Từ việc nghiên cứu thực trạng sản xuất, tiêu thụ và một số vấn đề khó khăn trong phát triển sản xuất ngô hàng hóa ở vùng Tây Bắc, chúng tôi đưa ra một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, phát triển sản xuất ngô hàng hóa gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa cây ngô vào thay thế những diện tích trồng lúa, cây trồng khác kém hiệu quả nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Mở rộng diện tích ngô theo hướng tăng vụ bằng những giống ngô cho năng suất cao, chịu hạn tốt; khai thác triệt để diện đất có khả năng nông nghiệp nhằm hạn chế tối đa hoạt động sản xuất trên những diện tích đất có độ dốc cao, và tình trạng ngô xâm lấn đất rừng.

Thứ hai, để hạn chế sự xói mòn và bạc màu của diện tích đất dốc đang được sử dụng trồng ngô, cần khuyến khích, hướng dẫn, chuyển giao tới các hộ dân một số biện pháp kỹ thuật canh tác như: luân canh cây trồng; trồng xen canh một

số loại cây ngắn ngày khác có độ che phủ đất tốt đồng thời có tác dụng cải tạo đất, nâng cao chất lượng đất trồng ngô như lạc, đỗ tương...; che phủ đất bằng tàn dư thực vật, thân cây trồng vụ trước...; kiến thiết ruộng bậc thang, canh tác theo đường đồng mức; bón phân cân đối...

Thứ ba, quy hoạch vùng phát triển ngô, đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở khu vực Tây Bắc, đặc biệt là hệ thống giao thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, giao thương hàng hóa giữa các vùng. Phát triển hệ thống giao thông cũng sẽ góp phần giảm tỷ lệ hao hụt trong quá trình vận chuyển ngô.

Thứ tư, để tạo thị trường tiêu thụ tốt, cần có sự tham gia của các doanh nghiệp về dịch vụ và thương mại để cung ứng vật tư và bao tiêu sản phẩm, đồng thời phát triển đa dạng hệ thống thu mua ngô thương phẩm qua đó giúp hộ trồng ngô không bị ép giá, tránh tình trạng các hộ dân chỉ biết bán cho một người mua duy nhất là thương lái.

Thứ năm, nhằm giảm tối đa tỷ lệ hao hụt sản lượng ngô hàng hóa của các hộ dân, cần khuyến khích phát triển hệ thống bảo quản ngô ở khu vực Tây Bắc. Hỗ trợ các hộ trồng ngô vay vốn đầu tư xây dựng kho, sân phơi... hoặc hỗ trợ kỹ thuật bảo quản.

Thứ sáu, đầu tư nghiên cứu và lựa chọn giống ngô có khả năng chống chịu, phù hợp với điều kiện sinh thái của từng địa phương, khuyến khích hộ trồng ngô mua giống tại các đơn vị cung cấp có uy tín. Đồng thời ở các địa phương cần tư vấn cho người dân lựa chọn những giống ngô tốt có năng suất cao, có khả năng chống chịu phù hợp với điều kiện đất đai để giảm thiểu mức rủi ro cho người sản xuất.

Thứ bảy, đưa cơ giới hóa vào một số khâu trong sản xuất ngô để giảm chi phí, nâng cao giá trị gia tăng. Ngoài ra để giảm tối đa sự ảnh hưởng của xu hướng tăng giá dầu vào trong sản xuất ngô, đặc biệt là giá phân bón. Hộ dân trồng ngô cần tìm và sử dụng các giải pháp đầu tư thay thế phù hợp như: phân chuồng, phân xanh...

Thứ tám, Nhà nước cần có các chính sách ưu đãi về vốn trong phát triển sản xuất ngô hàng hóa ở vùng Tây Bắc, các chính sách đó hướng vào: nghiên cứu phát triển giống ngô mới có khả năng chống chịu, năng suất chất lượng cao; phát triển hạ tầng nông thôn; đào tạo và tập huấn kỹ thuật cho nông dân và cho nông dân vay vốn đầu tư sản xuất...

4. KẾT LUẬN

Phát triển sản xuất ngô hàng hóa có ý nghĩa lớn trong xóa đói, giảm nghèo và nâng cao thu nhập cho người dân vùng Tây Bắc. Thu nhập từ ngô chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu thu nhập của hộ. Tuy nhiên, diện tích và sản lượng ngô hàng năm của vùng đang có xu hướng giảm, nhưng không đáng kể. Điều đó cũng cho thấy sản xuất ngô của vùng đang bắt đầu có dấu hiệu giảm phát. Phát triển sản xuất ngô ở vùng Tây Bắc hiện nay đang đối mặt với nhiều khó khăn lớn. Trong đó khó khăn được người dân trong vùng quan tâm nhất là thiếu vốn cho sản xuất, là giá các yếu tố đầu vào tăng nhanh, đặc biệt là giá ngô giống và giá các loại phân bón trên thị trường. Bên cạnh đó, hệ thống giao thông, hệ thống bảo quản ngô của hộ còn yếu và kém cũng là một trong những thách thức lớn để phát triển

sản xuất ngô hàng hóa của vùng. Bởi vậy, để phát triển sản xuất ngô hàng hóa ở vùng Tây Bắc, các giải pháp được đưa ra tập trung vào: hạn chế xói mòn và chống bạc màu đất; phát triển hệ thống giao thông; đa dạng hóa hệ thống tiêu thụ ngô; hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích xây dựng hệ thống bảo quản ngô; nghiên cứu và lựa chọn giống ngô phù hợp với điều kiện sinh thái; sử dụng tối đa các đầu vào hữu cơ có thể thay thế phân bón vô cơ; Nhà nước cần quy hoạch vùng phát triển ngô và có chính sách ưu đãi cho phát triển sản xuất ngô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (2012). Đề án phát triển ngành trồng trọt đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội ngày 16/4/2012.
- Lê Bền (2009). “Ngô Tây Bắc bị ngô ngoại hạ đo ván”. Truy cập ngày 10/01/2009 tại <http://nongnghiep.vn>
- Cục Trồng trọt (2011). Báo cáo tổng kết 2010 và định hướng phát triển sản xuất ngô giai đoạn 2011-2015, tháng 1/2011, Hà Nội.
- Cục Trồng trọt (2011). Định hướng, giải pháp phát triển cây ngô vụ xuân và vụ Đông các tỉnh phía Bắc, tháng 8/2011, Hà Nội.
- Lê Quốc Doanh (2004). Canh tác đất dốc bền vững, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nguyễn Bá Liệu (2004). Đánh giá nông thôn có sự tham gia, tài liệu tham khảo của CCF.
- Tổng cục Thống kê (2012). Niên giám thống kê. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Trần Đình Thao (2005). “Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất ngô ở Sơn La”, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, kỳ 2.
- Dương Đình Tường (2011). “Sản xuất ngô bền vững vùng Tây Bắc”. Truy cập ngày 08/09/2011 tại <http://nongnghiep.vn>.